

Bản án số: **82/2022/DS-ST**
Ngày: 28/07/2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thu Nhi
2. Bà Phạm Thị Ngọc Vân

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên toà:*** Bà Ngô Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị D, sinh năm 1991

Địa chỉ: số 116 H, phường 1, quận V, TP. M

2. *Bị đơn:* Bà M, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp H, xã T, TP. M, tỉnh G

Đại diện theo ủy quyền: Anh C, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp C, xã A, TP. M, tỉnh G

Chị D, anh C vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị D trình bày:***

Vào ngày 09/10/2019, chị có cho bà M vay số tiền 2.050.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận theo quy định. Hợp đồng vay được lập thành văn bản có công chứng. Chị đã giao đủ số tiền cho bà M. Đến hạn

nhưng bà M không thực hiện như cam kết, chị đã nhiều lần yêu cầu bà M thanh toán nợ gốc và lãi nhưng bà M cố tình trì hoãn, tránh né.

Do đó, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà M trả cho chị số tiền nợ vay là 2.050.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định.

- *Tại bản tự khai ngày 11 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh C là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Bà M có ký hợp đồng vay tiền với chị D tuy nhiên bà M không có nhận tiền từ chị D, tiền là do con của bà M vay và nhận.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị D thì bà M đồng ý trả cho chị D số tiền 1.000.000.000 đồng. Trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị D, anh C có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị D yêu cầu bà M trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Chị D khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền nợ vay là 2.050.000.000 đồng. Tại bản trình bày ý kiến ngày 11/5/2022, anh C thừa nhận bà M có vay tiền của chị D số tiền nói trên. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phủ nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa chị D với bà M đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Phía bà M thừa nhận có ký “*Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm*” ngày 09/10/2019 nhưng không có nhận tiền của chị D. Căn cứ vào Kết luận giám định số 588/KL-KTHS(Đ2) ngày 15/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “M phía dưới chữ ký ở trang 4 của hợp đồng với chữ ký, chữ viết họ tên “M” ở trang 1 của hợp đồng là do cùng một người ký, viết ra. Có cơ sở xác định bà M là người vay và đã nhận đủ số tiền vay của chị D. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà M còn nợ chị D số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho chị D, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị D, buộc bà M trả cho chị D số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) *Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

b) *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất. Do đó, lãi suất vay được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất chị D yêu cầu là thấp hơn so với quy định nên được chấp nhận.

Số tiền lãi chị D yêu cầu được tính như sau:

Tiền lãi trong hạn: 2.050.000.000 đồng x 0,7%/tháng x 06 tháng = 86.100.000 đồng.

Tiền lãi quá hạn: 2.050.000.000 đồng x 1%/tháng x 27 tháng = 553.500.000 đồng.

[7] Trong hợp đồng, các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc. Do đó, lãi chậm trả đối với tiền nợ gốc được tiếp tục tính kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, theo mức lãi suất 1%/tháng.

[8] Về phương thức và thời hạn thực hiện: Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về thời hạn và phương thức thực hiện nên Hội đồng xét xử không ấn định thời hạn và phương thức bên có nghĩa vụ thi hành. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị D có quyền yêu cầu thi hành án và sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[9] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M đã nộp xong.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà M được miễn tiền án phí do là người cao tuổi.

[11] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Buộc bà M trả cho chị D số tiền:

- Nợ gốc là 2.050.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng);

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là: 86.100.000 đồng (Tám mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 553.500.000 đồng (Năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

Bà M được miễn tiền án phí do là người cao tuổi.

Chị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4940 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị D cho đến khi thi hành án xong, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tiền nợ gốc) theo mức lãi suất là 1%/tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị D cho đến khi thi hành án xong, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tiền lãi trên nợ gốc trong hạn) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Chi phí tố tụng: Bà M phải chịu 2.600.000 đồng chi phí giám định. Bà M đã nộp xong.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc